

## GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI / HOẠT ĐỘNG

### Tập một

Như đã trình bày trong phần giới thiệu về cấu trúc bài học, ngoài các bài *Ôn tập và kể chuyện* cuối tuần, các bài học ở tập một đều gồm có các phần: 1. Nhận biết; 2. Đọc (âm/vần, tiếng, từ ngữ); 3. Viết; 4. Đọc (câu/đoạn); 5. Nói – nghe.

Các hoạt động dạy học trong mỗi bài đều được triển khai theo đúng trình tự những phần này. Nói chung các bài học đều dạy học theo quy trình giống nhau ở các phần: Nhận biết, Viết, Đọc (câu, đoạn) và Nói – nghe. Sự khác biệt ở các dạng bài thể hiện chủ yếu ở phần Đọc (âm/vần, tiếng, từ ngữ). Trước phần *Nhận biết* thường có *Ôn tập* bài được học trước đó và phần *Củng cố* trước khi kết thúc bài học.

Dĩ nhiên, trước khi thực hiện các hoạt động dạy học này, GV cần tìm hiểu, phân tích kĩ mục tiêu bài học; chuẩn bị kiến thức nền (về tiếng Việt cũng như đời sống) và phương tiện dạy học phù hợp với yêu cầu của bài học và điều kiện thực tế. Các phương tiện dạy học được hướng dẫn chung cho cả *Tiếng Việt 1* và từng tập sách ở mỗi học kì. Với từng bài học, GV theo hướng dẫn chung đó để chuẩn bị.

Dưới đây là quy trình thực hiện các hoạt động dạy học trong bài học về âm chữ hoặc vần.

#### 1 NHẬN BIẾT

- GV yêu cầu HS quan sát tranh (có thể trao đổi trong nhóm đôi), và trả lời các câu hỏi có liên quan đến nội dung tranh. Sau khi một số (2 – 3) HS trả lời, GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm

từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS đọc lặp lại câu nhận biết một số lần. Lưu ý, nói chung, HS không tự đọc được những câu nhận biết này, vì vậy, GV cần đọc chậm rãi theo tốc độ phù hợp để HS có thể bắt chước để đọc theo.

- GV giới thiệu chữ ghi âm hoặc vần được học trong bài (GV: *Chú ý, trong câu chúng ta vừa đọc, có chữ ghi âm/vần X được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm/vần X*). GV viết/trình chiếu chữ ghi âm/vần X lên bảng.

## **2 ĐỌC (ÂM/VẦN, TIẾNG, TỪ NGỮ)**

Có 3 dạng bài:

- 1) bài học âm chữ;
- 2) bài học vần theo cách đọc từng vần một, sau đó mới so sánh các vần (chủ yếu cho bài có 2 vần);
- 3) bài học vần theo cách so sánh các vần, sau đó mới đọc từng vần một (chủ yếu cho bài có 3 hoặc 4 vần).

Tương ứng với 3 dạng bài này có 3 quy trình dạy đọc (thành tiếng) khác nhau.

### **2.1. Dạng bài học ÂM CHỮ**

Quy trình gồm các bước sau:

#### **a) Đọc âm**

- Đọc âm X
  - + GV đưa chữ ghi âm X để giúp HS nhận biết chữ mới trong bài học này. (Có thể viết lên bảng hoặc dùng những cách khác như: 1) gắn chữ ghi âm X lên bảng; 2) chiếu chữ ghi âm X lên màn hình; 3) dùng bảng phụ đã viết sẵn chữ ghi âm X). Lưu ý: Ở học kì 1, ngay từ những bài đầu tiên, phần âm chữ, HS đã được nhận viết chữ in hoa tương ứng chữ in thường ở tên bài học, vd: A – a, B – b, C – c. Khi đưa chữ in thường lên bảng để HS nhận biết chữ được học, GV cần giới thiệu cho HS biết hình thức chữ in hoa của chữ đó.
  - + GV đọc mẫu âm X.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc âm X, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh một số lần.
- Đọc âm Y (Bài nào chỉ học một chữ hoặc chỉ một chữ và dấu thanh thì không có mục này).

Quy trình giống với quy trình luyện đọc âm X.

### **b) Đọc tiếng**

- Đọc tiếng mẫu
    - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu trong SHS. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng tiếng mẫu.
    - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
    - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
  - Ghép chữ cái tạo tiếng
    - + HS tự tạo các tiếng có chứa âm chữ đang học.
    - + Một số (3 – 4) HS phân tích tiếng, một số (2 – 3) HS nêu lại cách ghép.
  - Đọc tiếng trong SHS
    - + Đọc tiếng chứa âm chữ thứ nhất
      - GV đưa các tiếng chứa âm chữ thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm chữ thứ nhất).
      - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng một âm chữ đang học (nếu lớp HS đọc tốt, bỏ qua bước này).
      - Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng có cùng một chữ đang học. (HS nào lúng túng không đọc được, GV cho HS đó đánh vần lại rồi mới đọc trơn).
    - + Đọc tiếng chứa âm chữ thứ hai
- Quy trình tương tự với quy trình luyện đọc tiếng chứa âm chữ thứ nhất.
- + Đọc trơn các tiếng chứa những âm chữ đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai âm chữ.
  - + Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.

### **c) Đọc từ ngữ**

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ. (GV gắn lên bảng tranh phóng to minh họa cho từng từ ngữ hoặc trình chiếu các hình này. GV cho các tranh xuất hiện trước, HS nói tên của sự vật, hiện tượng trong tranh. GV: *Các em hãy nói tên của sự vật, hiện tượng trong tranh.* HS quan sát tranh, 3 – 4 HS nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xuất hiện dưới mỗi hình.). HS nhận biết tiếng chứa âm chữ vừa học. Trật tự các bước (đưa tranh trước hay sau từ ngữ) có thể được thay đổi linh hoạt tùy theo GV.
- HS tìm từ ngữ mới có âm chữ vừa học.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. (GV chỉ HS đọc không theo thứ tự cố định). Lớp đọc đồng thanh một số lần.

### **d) Đọc lại các tiếng, từ ngữ**

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

## **2.2. Dạng bài học VẦN (2 vần)**

Quy trình gồm các bước sau:

### **a) Đọc vần**

- Đọc vần thứ nhất
  - + Đánh vần
    - GV đánh vần mẫu. (Chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.)
    - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.
    - Lớp đánh vần đồng thanh một lần.
  - + Đọc trơn vần
    - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.
    - Lớp đọc trơn đồng thanh một lần.
  - + Ghép chữ cái tạo vần
    - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần.
    - GV yêu cầu HS nêu cách ghép.
- Đọc vần thứ hai

Quy trình tương tự quy trình luyện đọc vần thứ nhất.
- So sánh các vần: Tìm điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần trong bài. GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.

### **b) Đọc tiếng**

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng tiếng mẫu.
  - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đọc tiếng chứa vần thứ nhất

- GV đưa các tiếng chứa vần thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần thứ nhất).
  - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần (nếu lớp HS đọc tốt, bỏ qua bước này).
  - Đọc trơn các tiếng cùng vần (HS nào lúng túng không đọc được, GV cho HS đó đánh vần lại rồi mới đọc trơn).
- + Đọc tiếng chứa vần thứ hai
- Quy trình tương tự với quy trình luyện đọc tiếng chứa vần thứ nhất.
- + Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng lần hai nhóm vần.
- + Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học.
- + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

### **c) Đọc từ ngữ**

- GV đưa tranh minh họa cho các từ ngữ. (GV gắn lên bảng tranh phóng to minh họa cho các từ ngữ hoặc trình chiếu các hình này. GV cho các tranh xuất hiện trước, HS nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi tranh. GV: *Các em hãy nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi tranh.* HS quan sát tranh, 3 – 4 HS nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xuất hiện dưới mỗi hình.). HS nhận biết tiếng chứa vần vừa học. Trật tự các bước (đưa tranh trước hay sau từ ngữ) có thể được thay đổi linh hoạt tùy theo GV.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. (GV chỉ HS đọc không theo thứ tự cố định). Lớp đọc đồng thanh một số lần.

### **d) Đọc lại các tiếng, từ ngữ**

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

### 2.3. Dạng bài học VẦN (3 hoặc 4 vần)

Quy trình gồm các bước sau:

#### a) Đọc vần

– So sánh các vần

Nói chung, các bài học 3 hoặc 4 vần thường bao gồm những vần gần nhau về âm và chữ viết, nên quy trình dạy cần tận dụng đặc điểm đó để HS được làm quen và thực hành đọc thành tiếng các vần một cách nhanh nhất. Vì vậy, trước khi HS luyện đọc từng vần, GV hướng dẫn các em so sánh các vần được học trong bài. Sau đây là ví dụ bài học các vần *an*, *ăn*, *ân*. Trình tự gồm các bước:

- + GV giới thiệu các chữ ghi vần *an*, *ăn*, *ân*.
- + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ăn*, *ân* với *an* để tìm ra điểm giống và khác nhau. (GV có thể hướng dẫn: *Các em hãy quan sát và so sánh xem các vần học hôm nay có gì giống và khác nhau.* HS: *Giống nhau là đều có chữ n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, ă, â*). GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
  - + GV đánh vần mẫu các vần *an*, *ăn*, *ân*. (GV: Khi đánh vần, các vần *an*, *ăn*, *ân* khác nhau thế nào? Hãy cùng lắng nghe và quan sát thầy/cô làm mẫu: *a – nờ – an, á – nờ – ăn, ơ – nờ – ân*). GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai).
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
  - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *an*.
  - + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăn*.
  - + HS tháo chữ *ă*, ghép *â* vào để tạo thành *ân*.
- Lớp đọc đồng thanh *an*, *ăn*, *ân* một số lần.

## **b) Đọc tiếng**

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng *bạn*. (GV: *Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng, chúng ta cùng thực hành. Các em lấy chữ b ghép trước vần an, thêm thanh nặng dưới chữ a xem ta được tiếng nào.* 1 – 2 HS: *Ta ghép được tiếng “bạn”.*)
  - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *bạn* (*bờ – an – ban – nặng – bạn*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *bạn*.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *bạn*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *bạn*.
- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đánh vần tiếng (nếu lớp nào đọc tốt thì có thể bỏ qua bước này). GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
  - + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng túng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vần lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.
  - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
  - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *an*, *ăn* hoặc *ân*. (GV đưa mô hình tiếng *bạn*, vừa nói vừa chỉ mô hình: *Muốn có tiếng bạn chúng ta thêm chữ b vào trước vần an và dấu nặng dưới chữ a. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ăn hoặc vần ân vừa học.* GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: *Đó là tiếng gì?*). GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

## **c) Đọc từ ngữ**

- GV lần lượt đưa hình minh họa các từ ngữ: *bạn thân, khăn rằn, quả mận*. (GV gắn lên bảng hình phóng to minh họa từng từ ngữ hoặc trình chiếu các hình này. GV cho hình xuất hiện trước chẳng hạn *bạn thân*. HS nói tên của sự vật, hiện tượng trong hình. GV: *Các em hãy nói tên của sự vật, hiện tượng trong hình.* HS quan sát tranh, 3 – 4 HS nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xuất hiện dưới mỗi hình. HS nhận biết tiếng có vần *an* trong *bạn thân*.

GV thực hiện các bước tương tự với *khăn rằn, quả mận*. Trật tự các bước (đưa tranh trước hay sau từ ngữ) có thể được thay đổi linh hoạt tùy theo GV.

- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. (GV chỉ HS đọc không theo thứ tự cố định). Lớp đọc đồng thanh một số lần.

#### **d) Đọc lại các tiếng, từ ngữ**

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

### **3 VIẾT BẢNG**

- GV đưa mẫu chữ ghi âm/ vần X và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết chữ ghi âm/vần X.
- HS viết vào bảng con chữ ghi âm/vần X và tiếng có chữ ghi âm/vần X. Chú ý liên kết các nét trong chữ, giữa các chữ trong vần và tiếng.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

*Lưu ý:* Thông thường, viết bảng sẽ kết thúc vào cuối tiết 1. Nhưng không nên tạo áp lực cho HS phải kết thúc viết bảng ở tiết 1. Nếu có HS viết chậm thì các em có thể kéo dài viết bảng sang tiết 2.

### **4 VIẾT VỞ**

- HS viết vào vở chữ ghi âm/vần X. Với các bài vần, buổi sáng, HS có thể chỉ cần viết các vần. Nếu còn thời gian thì mới chuyển qua phần viết từ ngữ chứa các vần đó.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn hoặc viết chưa đúng cách.
- HS nhận xét, đánh giá chữ viết của nhau.
- GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.

*Lưu ý:* Một phần của nội dung viết vở sẽ kết thúc khoảng 10 – 15 phút sau khi bắt đầu tiết 2. Phần nội dung viết vở còn lại được thực hiện vào 2 tiết còn lại trong tuần (tiết thứ 11 và 12). Vì vậy, khả năng HS viết đến đâu thì các em viết đến đấy, không tạo áp lực để các em phải hoàn thành hết phần viết vở trong buổi sáng.



## 5 ĐỌC (CÂU, ĐOẠN VĂN)

*Đọc câu:*

- GV đọc mẫu.
- HS đọc thầm cả câu và tìm tiếng chứa X.
- HS đọc thành tiếng câu (theo cá nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.

*Đọc đoạn văn:*

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm cả đoạn và tìm tiếng chứa X.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần mới trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn.

## 6 NÓI

Phần *Nói theo tranh* có hai dạng: a) thực hành một số nghi thức lời nói (chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép) (bài 1 và 3 trong mỗi tuần, kéo dài 10 tuần) và b) nói theo chủ điểm (thường là cùng với chủ điểm của phần đọc).

**a)** Thực hành nghi thức lời nói (trong các tuần đầu, khi phần đọc chưa nhiều thì thời gian cho thực hành nghi thức lời nói có thể dài hơn)

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt câu hỏi. Một số HS trả lời.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. GV phân tích tình huống giao tiếp trong tranh và nghi thức lời nói cần sử dụng.
- HS chia nhóm thực hành nghi thức lời nói.
- Đại diện một nhóm thực hành nghi thức lời nói trước cả lớp. GV và HS nhận xét.

### **b) Nói theo chủ điểm**

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt câu hỏi. Một số HS trả lời.
- GV hướng dẫn HS chia nhóm nói về những gì quan sát được trong tranh. Một số HS đại diện nhóm nói về các nội dung trong tranh.

## **7 CÙNG CỐ**

- GV nhận xét chung về giờ học; khen ngợi, động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại âm chữ/vần vừa học và khuyến khích HS thực hành giao tiếp tại nhà.

## **Bài ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

### **Tiết 1**

#### **1. Khởi động**

GV có thể tạo tâm thế cho giờ học bằng đồ vui, hát, trò chơi,... Tùy vào điều kiện thực tế, GV có thể chủ động lựa chọn hình thức hoạt động cho phù hợp.

#### **2. Đọc âm chữ/vần, tiếng, từ ngữ**

- Với các bài ôn cuối tuần phần học âm chữ: Luyện đọc tiếng theo mô hình âm tiết được thiết kế thành bảng trong SHS. Đọc từ ngữ có âm chữ được học trong tuần: HS đọc thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp). Số từ ngữ được đọc và số lượt đọc tùy vào khả năng của HS và điều kiện thời gian.
- Với các bài ôn cuối tuần phần học vần: Đọc tiếng, từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng, lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà. Một số bài ôn (bài 35, 50, 70): Luyện đọc vần theo mô hình vần được thiết kế thành bảng trong SHS.

#### **3. Đọc câu/đoạn**

- HS đọc thầm cả câu/đoạn, tìm tiếng có chứa các âm chữ/vần đã học trong tuần.
- GV hỏi HS về các tiếng chứa âm chữ/vần đã học có trong câu hoặc mỗi câu của đoạn.
- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).
- GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng cả câu/đoạn (theo cá nhân hoặc/và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.

- GV hỏi, HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc.

#### **4. Viết**

- GV đưa cụm từ (phần học âm chữ) hoặc câu (phần học vần) cần viết lên bảng/màn hình và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu và nêu quy trình viết.
- HS viết vào *Tập viết 1, tập một* cụm từ/câu. Số lần lặp lại tùy thuộc vào điều kiện thời gian và tốc độ viết của HS.
- GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

### **Tiết 2**

(Một số nội dung của tiết 1 có thể được hoàn thành ở tiết 2. GV linh hoạt.)

#### **5. Kể chuyện**

- a) GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời.

Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.

Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.

- b) Sau khi trả lời câu hỏi, một số HS quan sát từng tranh và kể lại từng đoạn của truyện kể theo gợi ý dưới tranh. Cuối cùng, một số HS kể lại toàn bộ câu chuyện. Nếu HS có khả năng kể chuyện tốt, GV có thể cho các em thi nhau kể lại toàn bộ câu chuyện đã nghe hoặc/và đóng vai các nhân vật (có thể hoá trang theo cách đơn giản, có tính ước lệ) để kể lại câu chuyện đã nghe. Tùy vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.